

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 254/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yên.

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 722/2025/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Q, sinh năm 1979; địa chỉ: B đường B, khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1969; địa chỉ: B đường B, khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Hải L tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01/2001 cấp ngày 01/01/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và hoà hợp. Nhưng mấy năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là thường

xuyên cãi nhau, không còn thông cảm và thấu hiểu nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị Q yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hải L.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Hải L có 01 con chung là chị Nguyễn Lê Hải Y, sinh ngày 01/12/2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hải L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, lời khai trong quá trình tố tụng ông L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quá trình tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà Lê Thị Q. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2023. Mặc dù, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không còn đạt được, nhưng do ông là người có đạo nên không được tự nguyện ly hôn. Vì vậy, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của bà Q là vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Hải Y, sinh ngày 01/12/2002. Nay con chung đã trưởng thành nên ông thống nhất với bà Q là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Biên bản xác minh ngày 04/12/2025 tại Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Hồ Chí Minh*: Địa phương không nhận được thông tin trình báo về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Hải L, do đó không biết về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa giữa bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Hải L.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Q và bị đơn ông Nguyễn Hải L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Lê Thị Q và ông Nguyễn Hải L tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số

01/2001 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày ngày 01/01/2001. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông L là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông L. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Hải L để hòa giải nhưng ông L cũng xác định là vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 nên tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt không tham gia hòa giải. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Q yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Lê Thị Q.

[3] Về con chung: Quá trình tố tụng bà Q và ông L thống nhất cháu Nguyễn Lê Hải Y, sinh ngày 01/12/2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q về việc Tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hải L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Q được ly hôn ông Nguyễn Hải L (Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày ngày 01/01/2001.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0037063 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16-Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16-Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà